

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HSST

Ngày 30/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam và bà Lý Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST- HS ngày 10/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, chỗ ở hiện nay: Tổ 2B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Đồng Thị N; vợ: Hoàng Thị Thanh T; con có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lý Văn V, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Văn V và con bà Hoàng Thị D; vợ: Chu Thị T; con: 01 con; tiền án: Không; tiền sự:

Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nông Văn Đ, sinh năm 1976. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn K và con bà Nguyễn Thị N; vợ: Nông Thị T; con: 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Quan Thanh T, sinh năm 1985. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quan Thanh C và con bà Ma Thị D; vợ: Triệu Thị N; con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Đàm Quang L, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân bảo vệ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn P và con bà Nông Thị H; vợ: Hoàng Thị L; con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Khương Văn D, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khương Văn V và con bà Hoàng Thị Đ; vợ: Chưa có; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Triệu Tài N, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Tiến N (đã chết) và con bà Phạm Thị V; vợ: Chưa có; con: Chưa có; tiền án:

Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 17/2010/HSST đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân P và con bà Đào Thị T (đã chết); vợ: Vũ Thị L; con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/6/2015 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe người khác*” theo quyết định số 138/QĐ- XPKLBB, ngày 15/3/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 63/2012/HSST đến nay đã được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Vũ Văn H, sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ) và con bà Sầm Thị N; vợ: Chưa có; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. Đặng Văn L, sinh năm 1997; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Pụ S và con bà Đặng Thị C; vợ: Phùng Thị D; con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Tạm giữ từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020 thì được hủy bỏ, chuyển áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Xuân Đ* : Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1996, trú tại: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Chị Chu Thị T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 3, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

4. Chị Phùng Thị D, sinh năm 1997, trú tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

* *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Đăng T – sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 45 phút ngày 13/11/2020 tại nhà ở của Phạm Văn T thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Trịnh Xuân Đ, Vũ Văn H và Đặng Văn L đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng, 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, 04 (bốn) quân vị và số tiền 8.700.000 đồng tại chiếu bạc. Ngoài ra thu giữ trên người Trịnh Xuân Đ số tiền 600.000 đồng, Đặng Văn L bị thu giữ số tiền 4.500.000 đồng, Nông Văn Đ bị thu giữ số tiền 7.500.000 đồng, Vũ Văn H bị thu giữ số tiền 7.500.000 đồng, 07 chiếc điện thoại di động, 08 chiếc xe mô tô và 01 ví da.

Hồi 04 giờ 45 phút ngày 13/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở và công trình phụ cận đối với Phạm Văn T tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám xét thu giữ 01 chiếc kéo, 01 chiếc ví da bên trong có 27.000.000 đồng và một số giấy tờ, tài liệu.

Đến ngày 14/11/2020, có Đàm Quang L, Khương Văn D, Lý Văn V, Triệu Tài N đến trình diện và đầu thú thừa nhận được tham gia đánh bạc tại nhà ở của Phạm Văn T vào tối ngày 12/11/2020 rạng sáng ngày 13/11/2020.

Quá trình điều tra, truy tố xác định được: Khoảng 21 giờ ngày 12/11/2020 Phạm Văn T đang ở nhà thuộc thôn P, xã B thì có Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T cùng Đàm Quang L và Khương Văn D và Nguyễn Đăng T đến chơi. Đến khoảng 21 giờ 30 phút thì T, V, Đ, T, L, D rủ nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, khi nghe mọi người rủ nhau đánh bạc Lý Văn V lấy kéo ở nhà T cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long để ở bàn uống nước thành 04 (bốn) mảnh hình tròn làm quân vị có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, còn Quan Thanh T xuống

bếp lấy chiếu ở sát vách bếp nhà T rải ra nền bếp, còn Nguyễn Đăng T khi nghe mọi người nhờ lấy hộ bát, đĩa thì T đi đến vị trí chặn bát ở trong bếp để lấy bát đĩa ra, T bật đèn soi thấy bát đĩa bị bẩn nên đã đặt bát, đĩa để lại chặn bát không đem ra cho mọi người đánh bạc. Sau đó T đi chăn gà, đến khi quay lại thì nghe thấy T nói bát đĩa bẩn và không lấy hộ thì T đi đến chặn bát lấy một chiếc đĩa và một chiếc bát đặt xuống chiếu để mọi người đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ sau khi chuẩn bị chiếu, bát đĩa, quân vị xong T, V, Đ, T, L, D ngồi đánh bạc, V là người xóc đĩa, riêng T ngồi ở ngoài xem mọi người đánh bạc. Khi những người trên đang đánh bạc thì có thêm Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ và Vũ Văn H lần lượt đến cùng tham gia đánh bạc.

Trong quá trình đánh bạc T được Lý Văn V đưa cho số tiền 700.000 đồng gồm có tiền của V, T, Đ, L, D, N, H góp mỗi người 100.000 đồng để trả tiền điện, nước uống. T đã dùng số tiền của V đưa để đánh bạc cùng mọi người và bị thua hết nên T lên giường đi ngủ và L cũng thua hết tiền rồi cũng lên giường nhà T ngủ, còn Khương Văn D đánh bạc được một lúc sau cũng đi về nhà. Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 13/11/2021, khi mọi người đang đánh bạc thì Đặng Văn L đi đến nhà T và mang theo số tiền 4.700.000 đồng vào tham gia đánh bạc và đã bỏ ra số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Đối với số tiền còn lại 4.500.000 đồng L cất giữ trên người và sẽ dùng vào việc đánh bạc nếu thua hết số tiền 200.000 đồng đã bỏ ra trước đó. Đến 01 giờ 45 phút ngày 13/11/2020, khi các đối tượng Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Trịnh Xuân Đ, Vũ Văn H và Đặng Văn L, Lý Văn V, Triệu Tài N đang đánh bạc tại nhà ở của Phạm Văn T thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật. Riêng Lý Văn V, Triệu Tài N khi bắt quả tang thì bỏ chạy.

Cách thức thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng của các đối tượng là: Dùng 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ úp lại với nhau, sau đó Lý Văn V cho 04 (bốn) quân vị vào trong đĩa và xóc cái để mọi người cùng chơi, tất cả những người chơi đều được mở bát. Khi mở bát nếu 04 quân vị mà có 02 mặt đen, 02 mặt trắng hoặc 04 mặt trắng, 04 mặt đen thì là Chẵn; Nếu 01 mặt trắng, 03 mặt đen hoặc 01 mặt đen, 03 mặt trắng thì là Lẻ. Nếu người chơi đặt chẵn khi mở bát ra là chẵn thì người chơi thắng và được số tiền bằng số tiền người chơi đặt ra chơi và ngược lại nếu mở ra là lẻ thì người chơi thua và mất số tiền đã đặt để đánh bạc, tỷ lệ thắng thua là 1/1 trên số tiền đặt, số tiền đặt của mỗi người trong một ván bạc tối thiểu là 50.000 đồng, không quy định số tiền đặt tối đa. Phạm Văn T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, Lý Văn V sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, Quan Thanh T sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, Nông Văn Đ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc; Đàm Quang L sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, Triệu Tài N sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, Trịnh Xuân Đ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, Khương Văn D sử dụng 150.000 đồng

đề đánh bạc, Vũ Văn H sử dụng 100.000 đồng đề đánh bạc, Đặng Văn L sử dụng 4.700.000 đồng đề đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc Lý Văn V, Đàm Quang L, Triệu Tài N, Vũ Văn H thay nhau xóc đĩa.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 (một) chiếc đĩa sứ; 04 (bốn) quân vị hình tròn; 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng trắng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, vỏ màu xanh.

- 01 (một) chiếc ví màu đen, bên trong có chứa: 01 (một) thẻ ATM số: 9704180131166670 tên Đặng Văn L do Ngân hàng Bidv phát hành; 01 (một) thẻ ATM số: 9704490420306105 tên Đặng Văn L do Ngân hàng LienVietpostbank phát hành; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 095231021 mang tên Đặng Văn L.

- 01 (một) chiếc ví màu đen bên trong có chứa: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 095027141 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: 060025000043 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số: 0002219 mang tên Phạm Xuân C, đăng ký của chiếc xe biển kiểm soát: 97F2 – 3422.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-774.20, nhãn hiệu Honda Wave RSX; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-861.05, nhãn hiệu Honda Blade; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-857.95, nhãn hiệu Honda Wave Alpha; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-999.93, nhãn hiệu Honda Wave RSX; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F3-6041, nhãn hiệu WIN; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-31843, nhãn hiệu Yamaha Sirius; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F4-8620, nhãn hiệu Honda Wave Alpha; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-98504, nhãn hiệu Yamaha Exciter;

- 01 (một) chiếc hộp giấy, bên ngoài có chữ GEZO, chiếc hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký xác nhận và đóng dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Chợ Đồn;

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu K1 (bên trong có chứa 06 phong bì đựng tiền ký hiệu từ A1 đến A6) với tổng số tiền là 55.800.000đ (Năm mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng) trên mặt niêm phong có 03 chữ ký và ba dấu tròn màu đỏ của kho bạc Nhà nước huyện Chợ Đồn.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSCĐ ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L, Đàm Quang L, Khương Văn D, Nông Văn Đ, Quan Thanh T và Vũ Văn H về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

* Về tội danh: Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L, Đàm Quang L, Khương Văn D, Nông Văn Đ, Quan Thanh T và Vũ Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

* Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T từ 1.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Lý Văn V, Quan Thanh T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bổ sung các bị cáo Lý Văn V, Quan Thanh T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn L từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Văn L do thuộc hộ nghèo.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Đàm Quang L, Vũ Văn H mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung các bị cáo Đàm Quang L, Vũ Văn H mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khương Văn D từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Khương Văn D do thuộc hộ cận nghèo.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 06 đến 09

tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo Nông Văn Đ từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Tài N từ 09 đến 12 tháng tù được trừ thời hạn tạm giữ 08 ngày (từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020). Phạt bổ sung bị cáo Triệu Tài N từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Đ từ 09 đến 12 tháng tù được trừ thời hạn tạm giữ 09 ngày (từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020). Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Xuân Đ do thuộc hộ nghèo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại là các công cụ sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 14.300.000 đồng dùng vào việc phạm tội, trong đó: Có 8.700.000 đồng thu trên chiếu bạc, 4.500.000 đồng thu trên người Đặng Văn L, 600.000 đồng thu trên người của Trịnh Xuân Đ và 500.000 đồng thu trên người của Nông Văn Đ.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T số tiền 27.000.000 đồng, trả lại bị cáo Nông Văn Đ số tiền 7.000.000 đồng, trả lại bị cáo Vũ Văn H số tiền 7.500.00 đồng tất cả đều không liên quan đến việc phạm tội. Tuy nhiên, cần tạm giữ số tiền này của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T các loại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, vỏ màu xanh, 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97F4-8620, nhãn hiệu Honda Wave Alpha; 01 (một) chiếc ví màu đen bên trong có chứa: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 095027141 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: 060025000043 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số: 0002219 mang tên Phạm Xuân C, đăng ký của chiếc xe biển kiểm soát: 97F2 – 3422.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-857.95, nhãn hiệu Honda Wave Alpha không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo V.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh đã qua sử dụng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ.

- Trả lại cho bị cáo Quan Thanh T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Quang L 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-861.05, nhãn hiệu Honda Blade không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L.

- Trả lại cho bị cáo Triều Tài N 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-985.04, nhãn hiệu Yamaha Exciter không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-31843, nhãn hiệu Yamaha Sirius tất cả đều không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-774.20, nhãn hiệu Honda Wave RSX; 01 (một) chiếc ví màu đen, bên trong có chứa: 01 (một) thẻ ATM số: 9704180131166670 tên Đặng Văn L do Ngân hàng BIDV phát hành; 01 (một) thẻ ATM số: 9704490420306105 tên Đặng Văn L do Ngân hàng LienVietpostbank phát hành; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 095231021 mang tên Đặng Văn L tất cả đều không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Xuân Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 đã qua sử dụng, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng đều không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho chị Vũ Thị L 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-999.93, nhãn hiệu Honda Wave RSX không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Khương Văn D 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F3-6041, nhãn hiệu WIN không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Đàm Quang L, Nông Văn Đ, Quan Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Miền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vũ Văn H, Đặng Văn L, Khương Văn D, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trịnh Xuân Đ nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo Đ. Về hình phạt chính người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo để cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị L đề nghị được trả lại 01 xe mô tô BKS 97B1- 999.93 do chị là chủ sở hữu đang bị tạm giữ trong vụ án.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo nói điều lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Riêng các bị cáo Trịnh Xuân Đ, Triệu Tài N xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút ngày 12/11/2020 đến 01 giờ 45 phút ngày 13/11/2020 tại nhà ở của Phạm Văn T thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo Phạm Văn T, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L, Đàm Quang L, Khương Văn D, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Vũ Văn H, Lý Văn V đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 8.700.000

đồng, thu giữ trên người các bị cáo 5.600.000 đồng dùng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 14.300.000 đồng. Trong đó xác định các bị cáo Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Vũ Văn H, Đặng Văn L có hành vi đánh bạc trái phép và chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền là 14.300.000 đồng. Còn các bị cáo Phạm Văn T, Đàm Quang L và Khương Văn D khi dùng việc đánh bạc thì bị cáo Đặng Văn L chưa đến tham gia đánh bạc nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 4.700.000 đồng của bị cáo L dùng vào việc đánh bạc. Như vậy xác định các bị cáo T, L, D đánh bạc trái phép và chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 9.600.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực hành vi, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật. Vì vậy cần có hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo thực hiện nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò các bị cáo trong vụ án : Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên mức độ tham gia của từng bị cáo khác nhau.

Bị cáo Phạm Văn T là chủ nhà có hành vi cho đánh bạc tại nhà ở do mình quản lý, có hưởng lợi bằng việc thu tiền hồ của các con bạc khác, trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội (chuẩn bị bát, đĩa để đánh bạc) và trực tiếp tham gia đánh bạc. Do đó xác định bị cáo có vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Lý Văn V, Quan Thanh T đều trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội (Bị cáo V cắt quân vị, bị cáo T dải chiếu để đánh bạc) và đều được trực tiếp xóc cái, cùng tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Do đó xác định hai bị cáo V và T giữ vai trò xếp thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Đặng Văn L có số tiền dùng vào việc đánh bạc lớn nhất trong các bị cáo tham gia đánh bạc nên xác định bị cáo có vai trò xếp thứ 3 trong vụ án.

Các bị cáo Nông Văn Đ, Đàm Quang L, Trịnh Xuân Đ, Triệu Tài N, Khương Văn D, Vũ Văn H đều trực tiếp tham gia đánh bạc và có số tiền dùng vào việc đánh bạc ít hơn bị cáo Đặng Văn L nên xác định vai trò đồng phạm là ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Đàm Quang L, Khương Văn D, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Vũ Văn H, Đặng Văn L đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Đàm Quang L, Khương Văn D, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Vũ Văn H, Đặng Văn L đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Đàm Quang L, Khương Văn D, Vũ Văn H, Đặng Văn L đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lý Văn V, Triệu Tài N, Đàm Quang L và Khương Văn D đều không bị bắt giữ tại xói bạc vào đêm 13/11/2020 nhưng đến ngày 14/11/2020 đã tự nguyện ra trình diện tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để trình báo về hành vi đánh bạc cùng các bị cáo khác tại nhà Phạm Văn T nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là “*Đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trịnh Xuân Đ có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến, bị cáo Quan Thanh T có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến, Vũ Văn H có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến nên đều được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân của các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Đàm Quang L, Khương Văn D, Vũ Văn H, Đặng Văn L đều chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Triệu Tài N trước khi phạm tội này đã từng bị kết án và đã được xóa án tích, bị cáo Trịnh Xuân Đ trước khi phạm tội đã bị kết án đã được xóa án tích và bị xử phạt vi phạm hành chính đã được xóa tiền sự. Do đó xác định các bị cáo N, Đ đều có nhân thân xấu.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Đàm Quang L, Khương Văn D, Vũ Văn H, Đặng Văn L đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Đối với các bị cáo Triệu Tài N đã từng chấp hành án treo về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo Trịnh Xuân Đ đã từng chấp hành án về tội “Cướp giật tài sản” và chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, cần phải áp dụng hình phạt cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung. Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Xuân Đ được hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do vậy cần xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Đàm Quang L, Nông Văn Đ, Quan Thanh T. Tuy nhiên mức hình phạt bổ sung được xem xét theo tính chất, mức độ hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T cần áp dụng mức hình phạt bổ sung cao nhất, tiếp đến là bị cáo Lý Văn V, Quan Thanh T, mức thấp nhất là các bị cáo Đàm Quang L, Nông Văn Đ. Các bị cáo Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L thuộc hộ nghèo, các bị cáo Vũ Văn H và Triệu Tài N có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và đều là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo Khương Văn D thuộc hộ cận nghèo nên đều miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Đối với hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho đánh bạc của bị cáo Phạm Văn T trong vụ án, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Trước khi Đặng Văn L đến nhà tham gia đánh bạc thì T đã dừng việc đánh bạc để đi ngủ, T không hay biết cũng không được rủ rê, lôi kéo L đến nhà đánh bạc và cũng không được hưởng lợi từ L. Do đó, xác định T sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho 09 người đánh bạc, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý bị cáo T về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là có căn cứ.

[7] Trong vụ án này còn có Nguyễn Đăng T là người có mặt tại nhà Phạm Văn T tại thời điểm các bị cáo đánh bạc. Qua điều tra xác định được T không tham

gia đánh bạc và không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo . Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý anh T là có cơ sở.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng trắng đã cũ rách, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ có hoạ tiết bông hoa màu đỏ, 04 (bốn) quân vị hình tròn và 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại đều là các công cụ sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, vỏ màu xanh; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F4-8620; 01 (một) chiếc ví màu đen bên trong có chứa: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 095027141 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: 060025000043 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số: 0002219 mang tên Phạm Xuân C, đăng ký của chiếc xe biển kiểm soát: 97F2 – 3422 tất cả đều thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của bị cáo Phạm Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-857.95 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Lý Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo V nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim viettel số thuê bao 0965.480.929 thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của bị cáo Nông Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Quan Thanh T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 861.05 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Đàm Quang L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo L nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F3- 6041 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Khương Văn D, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh, đã qua

sử dụng bên trong có lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0964857681 thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của bị cáo Trịnh Xuân Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-999.93 thu giữ của bị cáo Trịnh Xuân Đ, quá trình điều tra xác định, xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Vũ Thị L (vợ của bị cáo Trịnh Xuân Đ), tuy nhiên chị L không biết việc bị cáo Đ sử dụng xe đi đến nhà bị cáo T để đánh bạc và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại xe mô tô cho chị L.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 98504 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Triệu Tài N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-31843 đều thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của bị cáo Vũ Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-774.20; 01 (một) chiếc ví màu đen, bên trong có chứa: 01 (một) thẻ ATM số: 9704180131166670 tên Đặng Văn L do Ngân hàng Bids phát hành; 01 (một) thẻ ATM số: 9704490420306105 tên Đặng Văn L do Ngân hàng LienVietpostbank phát hành; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 095231021 mang tên Đặng Văn L tất cả thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của bị cáo Đặng Văn L không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

- Đối với tổng số tiền tạm giữ trong vụ án là 55.800.000 đồng (Năm mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng) chứa trong 06 phong bì ký hiệu từ A1 đến A6) được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu K1, trong đó: Có số tiền dùng vào việc phạm tội là 14.300.000 đồng (8.700.000 đồng thu trên chiếu bạc, 4.500.000 đồng thu trên người Đặng Văn L, 600.000 đồng thu trên người của Trịnh Xuân Đ, 500.000 đồng thu trên người của Nông Văn Đ) cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại thu giữ của bị cáo Phạm Văn T là 27.000.000 đồng, của bị cáo Nông Văn Đ là 7.000.000 đồng, bị cáo Vũ Văn H là 7.500.000 đồng đều không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo T, Đ, H nhưng cần tạm giữ số tiền của các bị cáo T, Đ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Đàm Quang L, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Đặng Văn L, Trịnh Xuân Đ, Khương Văn D thuộc hộ nghèo, các bị cáo Triệu Tài N, Vũ Văn H sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên đều được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh : Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Triệu Tài N, Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L, Đàm Quang L, Khương Văn D, Nông Văn Đ, Quan Thanh T, Vũ Văn H phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn V 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lý Văn V cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quan Thanh T 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quan Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Quang L 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đàm Quang L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khương Văn D 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Khương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đặng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Đ 09 tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ 09 ngày (từ ngày 13/11/2020 đến ngày 22/11/2020), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Tài N 09 tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ 08 ngày (từ ngày 14/11/2020 đến ngày 22/11/2020), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

2.2. Hình phạt bổ sung : Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T 13.000.000 đồng.

- Phạt tiền bị cáo Lý Văn V 12.000.000 đồng.

- Phạt tiền bị cáo Quan Thanh T 12.000.000 đồng
- Phạt tiền bị cáo Nông Văn Đ 10.000.000 đồng
- Phạt tiền bị cáo Đàm Quang L 10.000.000 đồng

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Khương Văn, Đinh Xuân Đ, Đặng Văn L, Triệu Tài N, Vũ Văn H.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh vàng trắng đã rách cũ, 01 chiếc bát sứ màu trắng, có hình họa tiết bông hoa, đáy có ghi “made in Việt Nam”; 01 (một) chiếc đĩa sứ có họa tiết bông hoa màu đỏ, xanh có ghi chữ MADE IN CHINA; 04 (bốn) quân vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng (được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long); 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại cán bọc nhựa màu đen đều là các công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 01 (một) chiếc hộp giấy, bên ngoài có chữ GEZO, chiếc hộp được dán bằng giấy niêm phong có chữ ký xác nhận và đóng dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Chợ Đồn không có giá trị.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, vỏ màu xanh; 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97F4-8620 nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số máy: HCO9E-0680412, số khung: RLHHC09093Y680127, màu sơn xanh đen; 01 (một) chiếc ví màu đen bên trong có chứa: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 095027141 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số: 060025000043 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số: 0002219 mang tên Phạm Xuân C, đăng ký của chiếc xe biển kiểm soát: 97F2 – 3422;

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-857.95 nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số máy: JA39E-0990065, số khung: RLHJA3914KY132973, màu sơn đỏ đen nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0965480929 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Quan Thanh T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, đã qua sử dụng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Quang L 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-861.05, nhãn hiệu Honda Blade, số máy: JA36E-0736768, số khung:

RLHGA364GKI004801, màu sơn xanh đen nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Khương Văn D 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97F3-6041, nhãn hiệu WIN, số máy: C150FMG-2*000124831*, số khung: VLKDCG012LK*124831*, màu sơn xanh đen.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Xuân Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu hồng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, dạng bàn phím, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim viettel số thuê bao 0964857681.

- Trả lại cho chị Vũ Thị L trú tại thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1- 999.93, nhãn hiệu Honda Wave RSX, số máy: JA52E-0069229, số khung: RLHJA3844KY031248, màu sơn đỏ đen.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Tài N 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-98504, nhãn hiệu Yamaha Exciter, số máy: G3D4E-562271, số khung: RLCUG0610HY538748, màu sơn xanh đen.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng trắng đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-31843, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy: 5C6K029613, số khung: RLCS5C6KODY029600, màu sơn vàng đen.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-774.20, nhãn hiệu Honda Wave RSX, số máy: GC43E-6387063, số khung: RLHGC432XBY436956, màu sơn đen trắng; 01 (một) chiếc ví màu đen, bên trong có chứa: 01 (một) thẻ ATM số: 9704180131166670 tên Đặng Văn L do Ngân hàng Bidv phát hành; 01 (một) thẻ ATM số: 9704490420306105 tên Đặng Văn L do Ngân hàng LienVietpostbank phát hành; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 095231021 mang tên Đặng Văn L.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

Đối với tổng số tiền 55.800.000 đồng (Năm mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng) chứa trong 06 phong bì ký hiệu từ A1 đến A6) được niêm phong trong 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu K1, trong đó:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội là 14.300.000 đồng (gồm 8.700.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A1, 4.500.000 có

trong phong bì ký hiệu A 4, 600.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A 5, 500.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A2.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T số tiền 27.000.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A6 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ số tiền 7.000.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A2 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H số tiền 7.500.000 đồng có trong phong bì ký hiệu A3.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ phong bì ký hiệu K1 trên mặt niêm phong có ba chữ ký và 3 dấu tròn màu đỏ của Kho bạc nhà nước huyện Chợ Đồn và 06 vỏ phong bì ký hiệu từ A1 đến A6.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn T, Lý Văn V, Đàm Quang L, Nông Văn Đ, Quan Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Khương Văn D, Trịnh Xuân Đ, Đặng Văn L, Triệu Tài N, Vũ Văn H.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Đồn;
- CA huyện Chợ Đồn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS huyện Chợ Đồn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Văn Mẫn